

Phổ Yên, ngày 10 tháng 6 năm 2020

Số: 09/2020/QĐST-HN&GD

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83, 84 và khoản 1 Điều 88 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 11/2020/TLST- Việc HN&GD ngày 25 tháng 05 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Duy Đ, sinh năm 1994

ĐKKHKT: Xóm Xuân Hà 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999

ĐKKHKT: Xóm Xuân Hà 1, xã Thành Công, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Duy Đông và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thành Công, thị xã Phổ Yên năm 2018, được cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 10/7/2018. Sau khi kết hôn, cuộc sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng chỉ khoảng 2 tháng thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu về kinh tế, tình cảm nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Thời gian ly thân đến nay hơn một năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh Đ và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 02 tháng 6 năm 2020, là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống thực tế có 01 con chung: cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2019. Thời gian sinh cháu do mâu thuẫn vợ chồng, một mình chị T đi đăng ký khai sinh nên cháu mang họ mẹ, phần người cha bỏ trống. Đến nay cả anh Đ và chị T đều xác định cháu Hoàng A là con chung được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Nay ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận cháu Nguyễn Hoàng A là con chung của anh Đ và chị T. Anh Đ, chị T không yêu cầu làm thủ tục giám định ADN để xác định huyết thống cha con. Đề nghị Tòa án công nhận cháu Nguyễn Hoàng A, trên giấy khai sinh số 40, đăng ký ngày 29/3/2019 của UBND xã Thành Công phần người cha bỏ trống - là con chung của hai người và giao cho mẹ nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Nếu có tranh chấp về con cả hai sẽ đề nghị giám định ADN và làm thủ tục xác định cha cho con theo thủ tục việc dân sự sau. Việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Đông tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000đ, kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Hoàng Anh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: Anh Đ, chị T đều xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[4] Khoản nợ chung: Anh Đ, chị T đều xác định không có, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ, chị T thống nhất thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh anh Trần Duy Đ và chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung:* Công nhận thỏa thuận của anh Trần Duy Đ và chị Nguyễn Thị T xác định cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2019 là con chung của anh Đ và chị T được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân. Giao con chung: cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2019 (giấy khai sinh số 40 đăng ký ngày 29/3/2019 tại UBND xã Thành Công) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18) tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc anh Trần Duy Đ tự nguyện thỏa thuận có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Thời điểm thực hiện cấp dưỡng: kể từ tháng 06/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi chị T có thay đổi việc cấp dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh Đ, chị T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi, thay đổi, cải chính hộ tịch cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Không có
- Khoản nợ chung, khoản cho vay chung: Không có
- Về vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Duy Đ và chị Nguyễn Thị T thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ. Anh Đ, chị T được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004753 ngày 25/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công (nơi ĐK kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Hồ sơ VDS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà